

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4494 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Thiệu,
huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6299/SXD-QH ngày 02 tháng 11 năm 2016 về việc quy hoạch chung đô thị Thiệu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung đô thị Thiệu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và diện tích lập quy hoạch chung:

Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 375.47ha thuộc địa giới hành chính xã Dân Lý (259,27ha) và một phần phía Nam xã Dân Quyền (116,2ha) được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp cánh đồng xã Dân Quyền;
- Phía Nam giáp thôn 5 và thôn 15;
- Phía Đông giáp huyện Đông Sơn;
- Phía Tây giáp xã Minh Dân.

2. Tính chất, chức năng đô thị:

- Là đô thị công nghiệp, dịch vụ, phía đông huyện Triệu Sơn.
- Là trung tâm đào tạo chuyên ngành nông nghiệp của tỉnh.

3. Quy mô dân số và đất đai:

3.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 6.899 người; trong đó xã Dân Lý là 4.799 người và một phần dân cư phía Nam xã Dân Quyền là 2.100 người.
- Dân số đô thị dự báo đến năm 2025 khoảng 10.000 người.

3.2. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích đất quy hoạch: 375,47ha. Trong đó:
 - + Đất dân dụng: 190,16ha;
 - + Đất ngoài dân dụng: 73,68ha;
 - + Đất khác: 111,63ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Đất dân dụng: 190 m²/người;
- Đất ở hiện trạng: 75 m²/người;
- Đất ở mới: 30 m²/người;
- Đất công trình công cộng: 11 m²/người;
- Đất cây xanh: 10 m²/người;
- Đất thể dục, thể thao: 3,5-4m²/người;
- Đất giao thông: 52 m²/người;

4.2. Chỉ hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu điện năng: 1200KWh/người/năm;
- Cấp nước sinh hoạt: 80 l/người/ngđ;
- Thu gom nước thải sinh hoạt: >80% nước cấp;
- Chất thải rắn: 0.8Kg/ng/ngđ;
- Thu gom xử lý: 85% chất thải;

5. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng:

5.1. Hướng phát triển đô thị:

- Kế thừa và phát triển quy hoạch nông thôn mới xã Dân Lý đã được phê duyệt; Khớp nối các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn.
- Định hướng phát triển mở rộng không gian đô thị phù hợp định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa và huyện Triệu Sơn.
- Đảm bảo sự gắn kết hài hoà, đồng bộ giữa cải tạo khu phố, làng xóm hiện hữu và phát triển đô thị mới hiện đại.
- Khai thác triệt để các tiềm năng về kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên, lịch sử văn hoá... tạo nên vẻ đẹp đô thị kết hợp truyền thống và hiện đại.

5.2. Các không gian chính đô thị:

- Khu trung tâm hành chính, quảng trường, TDTT;
- Khu vực công viên cây xanh;
- Khu vực thương mại, dịch vụ.

6. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng:

6.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là 375,47 ha.

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	TÊN LÔ ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH PHẠM VI NGHIÊN CỨU			375,47	100,0
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	-	264,55	70,5
I	ĐẤT DÂN DỤNG	-	187,30	49,9
1.1	ĐẤT Ở	-	104,76	27,9
1.1.1	Dân cư hiện trạng	HT	74,05	19,7
1.1.2	Đất dân cư phát triển	PT	30,71	8,2
1.2	ĐẤT CÔNG CỘNG	CC	32,15	11,6
1.2.1	Đất hành chính-cơ quan đô thị	CQ	2,47	0,7
1.2.2	Đất công cộng - DV-TM	CC	22,96	6,1
1.2.3	Đất giáo dục	GD	16,85	4,5
1.2.4	Đất y tế	YT	1,35	0,4

STT	TÊN LÔ ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
1.3	ĐẤT CÔNG VIÊN - CÂY XANH	CX	10,34	2,8
1.4	ĐẤT GIAO THÔNG KHU VỰC	-	28,57	7,6
II	ĐẤT KHÁC TRONG KHU DÂN DỤNG	-	3,57	1,0
2.1	ĐẤT CÔNG CỘNG - DV ĐÔ THỊ	TM	0,47	0,1
2.2	ĐẤT TDTT ĐÔ THỊ	TDTT	2,05	0,5
2.3	ĐẤT HTKT- CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI	HTKT	1,05	0,3
III	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	-	73,68	19,6
3.1	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	CN	50,20	13,4
3.2	ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI	-	23,48	6,3
B	ĐẤT KHÁC	-	110,92	29,5
1	ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN	DT	22,87	6,1
3	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	-	73,32	19,5
4	ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA	NT	8,43	2,2
5	ĐẤT ĐÀI TUỞNG NIỆM	ĐTN	1,46	
6	ĐẤT BÃI RÁC	BR-01	1,50	0,4
7	ĐẤT SÔNG SUỐI, MẶT NƯỚC	-	3,34	0,9

6.2. Phân khu chức năng:

6.2.1. Quy hoạch hệ thống công trình công cộng:

- Trên cơ sở phân khu phát triển dự kiến đầu tư xây dựng cụm công trình công cộng đáp ứng bán kính phục vụ một cách tối ưu nhất từng khu ở.

- Quy hoạch hệ thống công trình công cộng phục vụ đô thị:

+ Trường tiểu học, nhà trẻ: Bổ sung xây dựng 02 điểm tại khu số 2. Mỗi điểm là 1,01 ha và 0,89ha.

+ Nâng cấp chỉnh trang và mở rộng Trạm y tế trên khuôn viên hiện hữu với diện tích khoảng 1,35ha.

+ Xây mới sân thể thao kết hợp với cây xanh tại khu 2 tiếp giáp với đường tỉnh lộ 514 có quy mô khoảng 2,05ha.

+ Dự kiến quỹ đất công trình công cộng kết hợp thương mại dịch vụ tại khu vực đường tránh quốc lộ 47 bổ sung phục vụ cộng đồng dân cư phát triển phía Bắc quốc lộ 47.

6.2.2. Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh:

- Quy hoạch hệ thống cây xanh công viên xác định dựa trên tính chất phục vụ và bán kính tối ưu phục vụ cộng đồng dân cư.

- Phục vụ chung toàn đô thị: Xây dựng các công viên cây xanh kết hợp vui chơi giải trí đa dạng tại vị trí phía Bắc và phía Nam quốc lộ 47. Tại các khu công viên kết hợp hồ nước tạo cảnh quan bên cạnh chức năng phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, giải trí của cộng đồng dân cư còn có chức năng điều tiết thoát nước mặt khu vực.

- Phục vụ cộng đồng dân cư: Tại các khu vực dân cư xây dựng khu cây xanh vườn dạo phục vụ nhu cầu sinh hoạt của tiểu khu ở.

6.2.3. Quy hoạch hệ thống thương mại dịch vụ:

- Bên cạnh việc kinh doanh dịch vụ hộ gia đình dự kiến xây dựng 2 cụm thương mại dịch vụ tập trung.

- Khu vực kiểm soát phát triển: Với đặc thù ngã tư nút giao trực chính khu dân cư với quốc lộ việc kinh doanh thương mại tại khu vực này cần xây dựng cơ chế quản lý hoạt động cụ thể để đảm bảo an toàn giao thông khu vực.

- Khu thương mại dịch vụ hỗn hợp:

- + Nhằm khai thác tối đa dịch vụ vận tải quốc lộ 47 (Hành lang kinh tế Đông Tây); Phát triển, quảng bá sản vật địa phương thúc đẩy kinh tế thương mại dịch vụ dự kiến xây dựng 02 khu thương mại dịch vụ hỗn hợp tại vị trí tiếp giáp với quốc lộ 47 và khu công nghiệp tỉnh. Quy mô khoảng: 6,2 ha.

- + Ưu tiên khuyến khích phát triển loại hình cụm công trình dịch vụ đa năng phục vụ nhu cầu kho bãi trung chuyển, dịch vụ dừng nghỉ trong ngày kết hợp quảng bá sản phẩm vùng.

6.2.4. Quy hoạch cụm công nghiệp, TTCN:

Với chủ trương xây dựng cụm công nghiệp của UBND tỉnh Thanh Hóa, vì vậy trong đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Thiệu bố trí cụm công nghiệp với tổng diện tích 50,20ha. Ưu tiên loại hình công nghiệp chế biến nông sản của địa phương và các loại hình sản xuất thực phẩm, thủ công mỹ nghệ...

Khuyến khích phát triển mở rộng quy mô nhà máy tuynen Dân Lý phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh với khu vực Triệu Sơn. Tuy nhiên phát triển sản xuất cần có biện pháp phù hợp bảo vệ môi trường khu vực.

Bảng tổng hợp chi tiết sử dụng đất

STT	TÊN LÔ ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	MẬT ĐỘ XD (%)	TÀNG CAO	HỆ SỐ SĐĐ	TỈ LỆ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH PHẠM VI NGHIÊN CỨU			375,47	-	-	-	100
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ		264,55	-	-	-	70,5
I	ĐẤT DÂN DỤNG		187,30	-	-	-	49,9
1.1	ĐẤT Ở		104,76	-	-	-	27,9
1.1.1	Dân cư hiện trạng	HT	74,05	60	2-4	1,8	19,7
1.1.2	Đất dân cư phát triển	PT	30,71	80	2-4	2,4	8,2
	- Đất dân cư phát triển 01	PT-01	4,95	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 02	PT-02	1,60	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 03	PT-03	0,22	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 04	PT-04	0,23	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 05	PT-05	1,12	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 06	PT-06	0,40	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 07	PT-07	1,16	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 08	PT-08	1,46	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 09	PT-09	1,28	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 10	PT-10	3,23	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 11	PT-11	2,51	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 12	PT-12	1,84	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 13	PT-13	2,23	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 14	PT-14	1,98	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 15	PT-15	0,75	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 16	PT-16	0,76	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 17	PT-17	1,09	80	2-4	2,4	-
	- Đất dân cư phát triển 18	PT-18	3,90	80	2-4	2,4	-
1.2	ĐẤT CÔNG CỘNG	CC	43,63	-	-	-	11,6
1.2.1	Đất hành chính-cơ quan đô thị	CQ	2,47	60	2-4	2,5	0,7
	- Đất hành chính cơ quan	CQ-01	1,16	60	2-4	2,5	-
	- Đất hành chính cơ quan	CQ-02	1,31	60	2-4	2,5	-
1.2.2	Đất công cộng - DV-TM	CC	22,96	60	2-5	2,5	6,1
	- Đất DV-TM 01	TM-01	4,20	60	3-7	4,20	-
	- Đất DV-TM 02	TM-02	5,30	60	3-7	4,20	-
	- Đất DV-TM 03	TM-03	0,68	60	3-7	4,20	-
	- Đất DV-TM 04	TM-04	0,59	60	3-7	4,20	-
	- Đất DV-TM 05	TM-05	3,38				-
	- Đất công cộng 01	CC-01	4,00	60	2-5	3,0	-
	- Đất công cộng 02	CC-02	1,46	60	2-5	3,0	-
	- Đất công cộng 03 (Nhà văn hóa)	CC-03	0,76	60	2-5	3,0	-

STT	TÊN LÔ ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	MẬT ĐỘ XD (%)	TÀNG CAO	HỆ SỐ SĐĐ	TỈ LỆ (%)
	- Đất công cộng 04	CC-04	0,21	60	2-5	3,0	-
	- Đất công cộng 05 (HT giữ nguyên)	CC-HT	2,38				
1.2.3	Đất giáo dục	GD	16,85	40	2-4	1,6	4,5
	- Trường Tiểu học	GD-01	1,10	40	1-2	0,8	-
	- Trường Trung học cơ sở	GD-02	0,82	40	2-4	1,6	-
	- Trường Mầm non	GD-03	0,89	40	2-4	1,6	-
	- Trường Cấp 3	GD-04	2,56				
	- Trường trung cấp nông lâm	GD-05	11,48				
1.2.4	Đất y tế	YT	1,35	60			0,4
	- Đất y tế 01	YT-01	1,35	60	2-5	3,0	-
1.3	ĐẤT CÔNG VIÊN - CÂY XANH	CX	10,34	10	1-2	0,3	2,8
	- Đất công viên - cây xanh 01	CX-01	2,45	15	1-2	0,3	-
	- Đất công viên - cây xanh 02	CX-02	0,75	15	1-2	0,3	
	- Đất công viên - cây xanh 03	CX-03	0,92	15	1-2	0,3	-
	- Đất công viên - cây xanh 04	CX-04	1,04	15	1-2	0,3	-
	- Đất công viên - cây xanh 05	CX-05	0,99	15	1-2	0,3	
	- Đất công viên - cây xanh 06	CX-06	0,80	15	1-2	0,3	-
	- Đất công viên - cây xanh 07	CX-07	1,03	15	1-2	0,3	-
	- Đất công viên - cây xanh 08	CX-08	2,36	15	1-2	0,3	-
1.4	ĐẤT GIAO THÔNG KHU VỰC	-	28,57	-	-	-	7,6
II	ĐẤT KHÁC TRONG KHU DÂN DỤNG	-	3,57	-	-	-	1,0
2.1	ĐẤT CÔNG CỘNG - DV ĐÔ THỊ	TM	0,47	60	3-7	4,2	0,1
	- Đất chợ	CH-01	0,47	60	2-5	3,0	-
2.2	ĐẤT TĐTT ĐÔ THỊ	TĐTT	2,05	40	2-5	3	0,5
	- Đất trung tâm Thể dục thể thao	TĐTT	2,05	40	2-5	3	
2.3	ĐẤT HTKT- CT ĐẦU MỐI	HTKT	1,05	-	-	-	0,3
	- Đầu mối HTKT	HTKT-01	1,05	30	-	-	-
III	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		73,68				19,6
3.1	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	CN	50,20				13,4
	- Đất công nghiệp 01	CN-01	14,17	60	1-3	1,8	-
	- Đất công nghiệp 02	CN-02	4,34	60	1-3	1,8	
	- Đất công nghiệp 03	CN-03	1,78	60	1-3	1,8	
	- Đất dự trữ công nghiệp 01	DTCN-01	9,86	60	1-3	1,8	
	- Đất dự trữ công nghiệp 02	DTCN-02	11,24	60	1-3	1,8	
	- Đất dự trữ công nghiệp 03	DTCN-03	8,81	60	1-3	1,8	
3.2	ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI	-	23,48	-	-	-	6,3
B	ĐẤT KHÁC	-	110,92	-	-	-	29,5

STT	TÊN LÔ ĐẤT	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	MẬT ĐỘ XD (%)	TẦNG CAO	HỆ SỐ SĐĐ	TỈ LỆ (%)
1	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN	DT	22,87	-	-	-	6,1
	- Đất dự trữ phát triển 01	DTPT-01	2,50	-	-	-	-
	- Đất dự trữ phát triển 02	DTPT-02	3,68	-	-	-	-
	- Đất dự trữ phát triển 03	DTPT-03	2,49	-	-	-	-
	- Đất dự trữ phát triển 04	DTPT-04	2,51	-	-	-	-
	- Đất dự trữ phát triển 05	DTPT-05	5,94	-	-	-	-
	- Đất dự trữ phát triển 06	DTPT-06	5,75	-	-	-	-
2	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	-	73,32	-	-	-	19,5
3	ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA	NT	8,43	-	-	-	2,2
4	ĐẤT ĐÀI TUỜNG NIỆM	ĐTN	1,46				0,4
5	ĐẤT BÃI RÁC	BR-01	1,50	-	-	-	0,4
6	ĐẤT SÔNG SUỐI, MẶT NƯỚC	-	3,34	-	-	-	0,9

7. Quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để khối lượng san đắp nền hiệu quả.
- Độ dốc dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông và thoát nước mưa thuận lợi.

- Đảm bảo độ dốc nền theo quy chuẩn, nhỏ nhất là 0,004 để đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Dựa vào số liệu, điều kiện khí hậu số liệu thủy văn và điều tra thực địa chọn cao độ xây dựng cho đô thị Thiệu Dân lý như sau:

- + Khu vực làng xóm hiện hữu chọn cao độ xây dựng $\geq +5.30\text{m}$.
- + Khu vực dự kiến phát triển đô thị chọn cao độ xây dựng $\geq +5.50\text{m}$
- + Khu vực phát triển khu công nghiệp chọn cao độ xây dựng $\geq +6.0\text{m}$

- Đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P=5\%$, phần lớn khu vực dự kiến phát triển là đồng ruộng canh tác khi xây dựng chỉ cần tôn nền đến cao độ $\geq +5.50\text{m}$. Hướng dốc nền đảm bảo thoát nước tự chảy $\geq 0,004$.

- Tổng khối lượng dự kiến đắp nền là $W=899.640\text{m}^3$.

b) Thoát nước mưa:

Sử dụng hệ thống thoát nước mưa hoạt động với chế độ tự chảy.

- Lưu vực thoát nước: Toàn bộ khu vực nghiên cứu được chia thành 02 lưu vực thoát nước chính.

+ Lưu vực 1 (147,93ha): Toàn bộ khu vực phía Bắc Quốc Lộ 47, nước mưa được thu về hồ điều hòa (gần khu sản xuất gạch) sau đó thoát ra sông Hoàng Giang.

+ Lưu vực 2 (227,5ha): Toàn bộ khu vực phía Nam Quốc lộ 47, lưu vực này thoát về hồ công viên văn hóa nằm phía Nam khu vực sau đó thoát ra sông Hoàng Giang.

- Toàn bộ nước mưa chảy từ các lô đất vào hệ thống cống nhánh, cống chính theo trục đường giao thông, đặt cống nằm trên vỉa hè và sau đó chảy vào hồ điều hòa, hồ công viên sau đó thoát ra sông Hoàng Giang.

- Tổng khối lượng cống thoát nước mưa chính $L=10.331\text{m}$.

7.2. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Mặt cắt 1-1: Quốc lộ 47 thiết kế tổ chức đường gom cho khu vực phát triển mới. Có lộ giới 84m; Bề rộng lòng đường 12m; Bề rộng lề đường 2×1.5 ; Hành lang bảo vệ đường bộ: $2 \times 10\text{m}$;

Đường gom hai bên Quốc lộ: Bề rộng lòng đường: 2×7.5 ; Bề rộng vỉa hè giáp khu dân cư $2 \times 5\text{m}$; Bề rộng vỉa hè giáp hành lang đường bộ: $2 \times 3\text{m}$;

- Mặt cắt 1'-1': Quốc lộ 47, đoạn qua dân cư hiện trạng, có lộ giới 21 m, trong đó: Bề rộng lòng đường 15m; Bề rộng hè đường: $2 \times 3\text{m}$.

- Mặt cắt 2-2: Đường tỉnh 514 và đường tỉnh 506 đi qua khu vực. Thiết kế lộ giới 25m, trong đó: Bề rộng lòng đường: $2 \times 7.5\text{m}$; Bề rộng hè đường: $2 \times 3\text{m}$ - Mặt cắt 2'-2': Đường tỉnh 506 đi qua khu vực: Thiết kế lộ giới 31m, trong đó: Bề rộng lòng đường: $2 \times 7.5\text{m}$; Bề rộng dải phân cách 10m; Bề rộng hè đường: $2 \times 3\text{m}$.

- Mặt cắt 6-6: Đoạn qua cầu Thiều, ngã tư Dân lực và ngã tư Đà. Thiết kế lộ giới 25,5m; trong đó: Bề rộng lòng đường $2 \times 7,5\text{m}$; Bề rộng lề đường $2 \times 2\text{m}$; Bề rộng dải phân cách 0,5m; Bề rộng vỉa hè: $2 \times 3\text{m}$.

b) Giao thông đối nội:

- Mặt cắt 3-3. Thiết kế lộ giới 20.5m trong đó: Bề rộng lòng đường 10,5m; Bề rộng hè đường $2 \times 5\text{m}$.

- Mặt cắt 4-4. Thiết kế lộ giới 17.5m: Bề rộng lòng đường: 7.5m; Bề rộng hè đường: 2x5m.

- Mặt cắt 5-5: Thiết kế lộ giới 13.5 m trong đó: Bề rộng lòng đường 7.5m; Bề rộng lề đường: 2x3m.

- Đường thôn xóm: Bề rộng mặt đường 5m.

7.3. Quy hoạch cấp điện:

Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu đến năm 2025 là 10.2873kW, tương đương 11.430kVA công suất biểu kiến.

a) Nguồn điện:

Theo Quy hoạch phát triển điện lực Tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2010-2015, dự án trạm 110/35/22kV Triệu Sơn sẽ được triển khai xây dựng với công suất 2x25MVA. Cũng trong giai đoạn này sẽ dỡ bỏ trạm trung gian Quán Giắt, như vậy nguồn cấp cho khu vực là trạm 110kV Triệu Sơn sử dụng lưới trung áp 22kV, sẽ đảm bảo cung cấp điện trong tương lai dài cho đô thị Thiệu và các khu vực phụ cận.

b) Lưới điện:

- Lưới trung áp 22kV: Với quy mô công suất 7663kW, kiến nghị cải tạo tuyến 10kV (sau khi dỡ bỏ trạm TG Quán Giắt) từ trạm 110kV Triệu Sơn, tuyến 22kV xây dựng mới đi nổi dây nhôm lõi thép khoảng 5km, tiết diện AC-185. Đoạn qua ranh giới Thị Trấn được bọc cách điện bằng PVC đảm bảo hành lang an toàn điện.

- Lưới hạ áp 0,4kV: Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên thôn vẫn giữ nguyên. Sẽ cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ. Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.

- Trạm hạ áp 22/0,4kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m. Vẫn giữ lại 5 trạm 10/0,4kV hiện trạng, cải tạo cấp điện áp 22/0. Kiến nghị lắp đặt thêm 15 trạm mới với tổng công suất đặt là 7840kVA. Như vậy nâng tổng công suất đặt máy toàn Thị trấn lên 9100kVA có thể cung cấp tin cậy cho toàn Thị trấn mà không gây quá tải cho máy biến áp.

- Điện chiếu sáng: Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng. Tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước của đô thị theo từng giai đoạn:

+ Đợt đầu (2020): 2.300 m³/ng.đ;

+ Dài hạn (2025): 4.135 m³/ng.đ.

- Nguồn cấp: Cấp bởi nhà máy nước Triệu Sơn đặt tại thôn 12 xã Dân Lý.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt.

+ Đợt đầu (năm 2020): 830 m³/ngày.đ;

+ Dài hạn (đến năm 2025): 1.150 m³/ngày.đ.

- Tổng nhu cầu thoát nước thải công nghiệp.

+ Đợt đầu (năm 2020): 711m³/ngày.đ;

+ Dài hạn (đến năm 2025): 1.760 m³/ngày.đ.

- Giải pháp thoát nước bản cho cả đô thị là hệ thống thoát nước chung, đảm bảo các hộ dân cư, cơ quan và công trình công cộng đều có bể tự hoại để xử lý nước bản trước khi chảy vào hệ thống cống chung.

- Nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế cần phải xử lý cục bộ trong từng bệnh viện đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép mới được xả vào cống.

- Bố trí trạm xử lý nước thải sinh hoạt thứ nhất nằm phía Đông Nam để thoát nước thải cho khu vực phía Nam; Khu vực thiết kế gần sông Hoàng Giang, khu vực cây xanh, với diện tích là 0,7ha.

- Bố trí trạm xử lý nước thải sinh hoạt thứ 2 nằm phía Đông Bắc để thoát nước cho khu vực phía Bắc; Khu vực thiết kế giáp sông Hoàng Giang, nằm trong khu vực cây xanh, giáp hồ, với diện tích 0,5ha.

- Nước được xử lý theo dây chuyền công nghệ hiện đại.

- Nước thải công nghiệp: Xây dựng trạm xử lý chung cho từng cụm công nghiệp lớn, trước khi xử lý tập trung, nước thải của các nhà máy, xí nghiệp trong cụm công nghiệp đó phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn. Bố trí 01 trạm xử lý cho khu công nghiệp với công suất đến 2025 là 1.760m³/ng.đ

7.6. Thông tin liên lạc:

- Phát triển hệ thống dây dẫn chạy dọc theo tuyến giao thông quy hoạch, nâng công suất tổng đài để mở rộng mạng điện thoại trong khu vực đô thị và các xã lân cận, vì đây là nhu cầu thực tế và tất yếu cho một đô thị đang dần phát triển.

- Dịch vụ:

Định hướng đến năm 2025 bao gồm các chỉ tiêu sau:

+ Mật độ máy điện thoại cố định/100 dân;

+ Mật độ thuê bao di động/100 dân;

+ Mật độ thuê bao Internet/100 dân;

7.7. Cây xanh và vệ sinh môi trường:

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông, chọn loại cây có nhiều bóng mát, ít sâu bệnh và chịu được gió bão;

- Xây dựng và trồng cây cho khu công viên chính của đô thị, đặc biệt chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn cây xanh với mặt nước, tạo thành điểm nhấn của đô thị, đáp ứng yêu cầu vui chơi nghỉ ngơi của đô thị. Tổ chức trồng cây xanh, sân vườn, khuôn viên, bồn hoa, trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng... Đóng góp vai trò quan trọng để xây dựng mô hình đô thị;

- Các khu xử lý nước thải cũng được phân ra theo từng lưu vực thoát nước để đảm bảo nước tự chảy, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung;

- Chất thải rắn:

Tổng khối lượng khối lượng chất thải rắn:

+ Đợt đầu (2020): 6,3 tấn/ng.đ.

+ Dài hạn (2025): 8,0 tấn/ng.đ.

- Nghĩa trang: Đóng cửa các nghĩa trang phân tán của các thôn theo từng giai đoạn quy hoạch. Khoanh vùng giữ lại thành các công viên nghĩa trang. Xây dựng một khu nghĩa trang cho đô thị trở thành khu văn hóa tâm linh, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư tạo tiền đề thúc đẩy phát triển đô thị:

Trên cơ sở các dự án đang triển khai xây dựng trong khu vực nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện tạo tiền đề thúc đẩy phát triển khu vực xung quanh. Chi tiết các dự án sau:

Quản lý nâng cấp, khai thác đầu tư xây dựng dọc tuyến hành lang kinh tế Đông Tây (QL 47); Mở rộng, hình thành trục kinh tế thương mại dọc tuyến TL 514 kết nối không gian thương mại cùng thị trấn Triệu Sơn.

Ưu tiên đầu tư phát triển cụm TTCN huyện Triệu Sơn gắn kết cùng cụm Công nghiệp của tỉnh, tổng quy mô lên đến khoảng 50,20 ha. Hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp vật liệu, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan tại khu vực đô thị Thiệu. Khuyến khích, kêu gọi đầu tư dự án xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp ven quốc lộ 47.

Tiếp tục phát triển các dự án đã và đang dự kiến đầu tư tại khu vực: Khu đô thị Sao Mai; Cụm liên trường, Cụm sinh hoạt văn hóa, Mô hình kinh tế trang trại..

Ưu tiên đầu tư phát triển mô hình đào tạo nghề phục vụ cho giai đoạn phát triển công nghiệp trong những năm tiếp theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Xây dựng có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Quy hoạch chung đô thị Thiệu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 cho địa phương làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được phê duyệt.

- UBND huyện Triệu Sơn có trách nhiệm:

+ Phối hợp cùng Sở Xây dựng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện;

+ Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

+ Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa.

+ Tổ chức chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

+ Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biên pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đồng chí Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H1.(2016)QDPĐ QHC DT Thieu Trieu Son.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official stamp of the Provincial People's Committee (UBND tỉnh) with a handwritten signature across it. The signature is in black ink and appears to be 'Nguyễn Đình Xứng'. Below the stamp, the name 'Nguyễn Đình Xứng' is printed in bold black text.

Nguyễn Đình Xứng